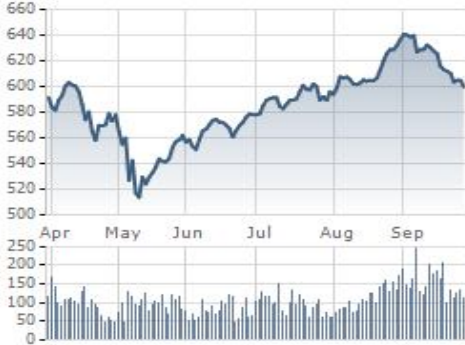


HOSE 30/09/2014

VNINDEX 598.79 -0.99 -0.17%

KLGD 153,786,358 CP
GTGD 2,734.44 Tỷ
GTR NDTNN - 111.22 Tỷ

CP Tăng giá 110 CP
CP Giảm giá 98 CP
CP Đứng giá 96 CP



Tâm điểm

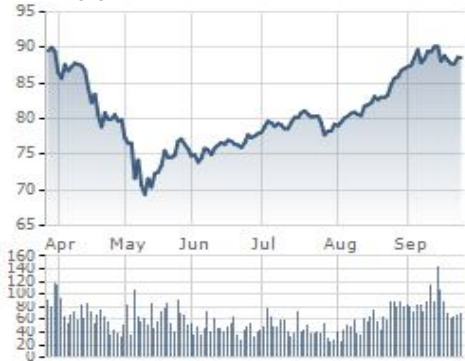
- ▶ **Tiếp tục kiểm chứng vùng hỗ trợ thành công**
- ▶ **Thanh khoản thị trường có sự gia tăng trở lại**
Tổng giá trị giao dịch cả 2 sàn đạt mức khoảng 3,900 tỷ đồng
- ▶ **Chỉ số sản xuất công nghiệp 9 tháng cả nước tăng vượt GDP**
Chỉ số sản xuất toàn ngành CN cả nước 9 tháng năm 2014 ước tính tăng 6.7%
Infonet
- ▶ **Tăng trưởng tín dụng toàn hệ thống đến cuối tháng 9 gần 7%**
Mức tăng trưởng này cao hơn so với năm ngoái là 6.87%
DVO
- ▶ **Sản lượng công nghiệp của Nhật Bản bất ngờ giảm trong tháng 8**
Sản lượng công nghiệp tháng 8 giảm 1.5% so với tháng trước
CNBC
- ▶ **PNJ: Hoàn tất thoái vốn khỏi SFC, thu về 175 tỷ đồng**
PNJ sẽ ghi nhận khoản lãi gần 40 tỷ đồng từ thương vụ này
Infonet
- ▶ **KLF: ước hoàn thành kế hoạch lãi 100 tỷ đồng trước 1 quý**
Trong quý 3, Công ty ước đạt 50 tỷ đồng lợi nhuận
Đầu tư Chứng khoán

HNX 30/9/2014

HNXINDEX 88.63 0.06 0.07%

KLGD 73,704,401 CP
GTGD 1,208.81 Tỷ
GTR NDTNN 5.71 Tỷ

CP Tăng giá 103 CP
CP Giảm giá 100 CP
CP Đứng giá 176 CP



Thị trường / Ngành

Theo thị trường

	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
HOSE	1,073,432	14.9	3.2	19.5%	10.6%
HNX	144,914	14.7	1.8	8.9%	4.4%
Toàn bộ thị trường	1,218,346	16.7	3.1	18.6%	9.9%

Theo ngành

Ngành	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
Nhựa, cao su & sợi	7,403	6.8	0.9	13.6%	9.0%
Sản phẩm hóa dầu, Nông dược &	20,107	9.2	1.5	16.5%	11.1%
Thép và sản phẩm thép	38,865	17.0	2.2	20.7%	9.6%
Khai khoáng	12,264	66.6	5.6	0.3%	0.0%
Vật liệu xây dựng & Nội thất	22,588	15.9	1.4	11.5%	7.6%
Xây dựng	32,949	37.5	1.4	-2.3%	2.0%
Máy công nghiệp	8,912	9.4	1.4	15.0%	10.2%
Kho bãi, hậu cần và bảo dưỡng	11,254	8.9	1.6	18.9%	13.7%
Lốp xe	8,810	10.9	3.2	27.5%	11.8%
Nuôi trồng nông & hải sản	20,717	11.9	1.8	16.8%	6.2%
Thực phẩm	195,496	23.9	4.7	20.4%	16.0%
Dược phẩm	15,439	10.7	2.9	24.9%	16.4%
Phần mềm	18,178	11.3	2.3	21.5%	9.2%
Sản xuất & phân phối điện	25,560	-	6.0	-14.4%	0.6%
Phân phối xăng dầu & khí đốt	209,564	17.1	5.6	33.0%	22.6%
Bảo hiểm nhân thọ	27,491	22.5	2.4	10.2%	2.1%
Môi giới chứng khoán	29,017	14.6	1.7	9.5%	7.0%
Ngân hàng	239,071	11.1	1.2	10.6%	0.9%
Bất động sản	161,417	16.4	2.6	20.4%	5.0%
Thiết bị và Dịch vụ Dầu khí	50,807	11.4	2.5	22.6%	9.4%

VN30 & HNX30 INDEX

VN30 644.25 1.27 0.20%
HNX30 181.22 0.11 0.06%

Thống kê thị trường

- ▶ HOSE: Thống kê và nhận định thị trường
- ▶ HNX: Thống kê và nhận định thị trường
- ▶ Tổng hợp chỉ số ngành toàn thị trường

Sac Q. Nguyen

sacnq@vietinbanksc.com.vn

Chỉ số sản xuất công nghiệp 9 tháng cả nước tăng vượt GDP

Tăng trưởng tín dụng toàn hệ thống đến cuối tháng 9 gần 7%

Sản lượng công nghiệp của Nhật Bản bắt đầu giảm trong tháng 8

Sac Q. Nguyen

sacnq@vietinbanksc.com.vn

PNJ: Hoàn tất thoái vốn khỏi SFC, thu về 175 tỷ đồng

KLF: ước hoàn thành kế hoạch lãi 100 tỷ đồng trước 1 quý

VHG: Dự nợ vay ngân hàng cuối quý 3 chỉ còn 11 tỷ đồng

Tin kinh tế

Số liệu báo cáo mới nhất của Tổng cục thống kê cho thấy, chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp cả nước 9 tháng năm 2014 ước tính tăng 6.7% so với cùng kỳ năm 2013, vượt mức tăng của GDP cả nước 9 tháng qua. Trong đó, công nghiệp sản xuất phân phối điện tăng 11.2% so với cùng kỳ 2013; công nghiệp chế biến chế tạo tăng 8.3%; công nghiệp cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 6.0%; và công nghiệp khai khoáng tăng nhẹ 0.4%.

Theo báo cáo tại phiên chất vấn Thống đốc NHNN chiều nay, tính đến ngày 20/9, tỷ lệ tăng trưởng tín dụng toàn hệ thống là xấp xỉ 7%, cao hơn so với năm ngoái là 6.87%. Như vậy, chỉ cần tăng trưởng 5.5% - 6% trong quý 4, mục tiêu tăng trưởng 12% - 14% là hoàn toàn khả thi. Thống đốc dẫn chứng, quý 4 năm 2012 và 2013, tăng trưởng tín dụng liên tiếp đạt trên 6%. Thống đốc cho biết, hoạt động tín dụng ngân hàng tuy còn khó khăn do kinh tế khó khăn, nhưng vẫn duy trì tăng trưởng 10% trong 3 năm qua, đảm bảo tăng trưởng kinh tế trên 5%.

Theo số liệu sơ bộ của Bộ Kinh tế, Thương mại và Công nghiệp Nhật Bản (METI), sản lượng công nghiệp tháng 8 giảm 1.5% so với tháng trước, ghi nhận tháng giảm đầu tiên trong 2 tháng qua. So với cùng kỳ năm ngoái, sản lượng công nghiệp giảm 2.9% với chỉ số đo lường sản lượng công nghiệp giảm xuống 95.5 điểm sau khi điều chỉnh theo mùa. Cùng ngày, METI cũng cho biết, doanh số bán lẻ trong tháng 8 của Nhật Bản tăng nhanh hơn so với tháng trước đó. Cụ thể, doanh số bán lẻ tăng 1.2% so với mức tăng 0.6% hồi tháng 7. Những số liệu kinh tế công bố trong sáng hôm nay 30/9, cho thấy, kinh tế Nhật Bản vẫn chưa hoàn toàn thích nghi với đợt tăng thuế hồi tháng 4.

Tin doanh nghiệp

Ngày 29/9, thực hiện chủ trương thoái vốn khỏi CTCP Nhiên liệu Sài Gòn (SFC), CTCP Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận (HOSE: PNJ) đã chuyển nhượng thành công 5.55 triệu cổ phiếu SFC cho các nhà đầu tư khác. Giá chuyển nhượng là 31,000 đồng/cp, tương ứng tổng giá trị chuyển nhượng là 172 tỷ đồng. Cùng với 100,000 cổ phiếu đã chuyển nhượng từ ngày 10/9, PNJ đã thu về 174.6 tỷ đồng từ đợt thoái vốn này. Hai nhà đầu tư đã mua vào gồm có CTCP Xăng dầu và Dịch vụ Hàng hải STS (2.77 triệu cổ phiếu) và bà Trần Thị Thu Phương (2.77 triệu cổ phiếu). Khi PNJ công bố việc thoái vốn khỏi SFC, cổ phiếu SFC đã tăng trần 5 phiên liên tiếp, từ 21,000 lên 29,100 đồng. Tuy nhiên cổ phiếu này đã quay đầu giảm kể từ ngày 29/9. Cổ phiếu PNJ cũng tăng mạnh trong thời gian này.

Theo thông tin từ CTCP Liên doanh đầu tư quốc tế KLF (HNX: KLF), trong quý 3, Công ty ước đạt 50 tỷ đồng lợi nhuận, bằng xấp xỉ con số lợi nhuận 6 tháng đầu năm. Với kết quả này, lợi nhuận 9 tháng đầu năm của KLF đạt xấp xỉ 100 tỷ đồng, hoàn thành kế hoạch lãi năm 2014. Ông Nguyễn Thanh Bình, Tổng giám đốc KLF cho biết, trong quý 3, nguồn vốn mới từ đợt tăng vốn điều lệ đầu năm của Công ty đã bắt đầu phát huy hiệu quả, góp phần đẩy mạnh các mảng kinh doanh. Đồng thời, KLF cũng đã đẩy mạnh các hoạt động phân phối, thương mại, M&A... Đây là các mảng đã mang lại hiệu quả kinh tế cao cho Công ty. Như vậy, với kết quả kinh doanh nói trên, KLF gần như nắm chắc khả năng vượt kế hoạch lợi nhuận năm 2014, khi Công ty đã về đích trước hẳn 1 quý.

Công ty cổ phần đầu tư Cao su Quảng Nam (HOSE: VHG) công bố Nghị quyết HĐQT ngày 29/9/2014. VHG cho biết năm 2014 công ty có khả năng vượt kế hoạch doanh thu và lợi nhuận cả năm, đảm bảo trả cổ tức 10% cho cổ đông. Dự nợ vay ngân hàng cuối quý 3 chỉ còn 11 tỷ đồng so với 115 tỷ đồng giai đoạn công ty bắt đầu tái cấu trúc. Cuối quý 2, VHG có dự nợ ngắn hạn 52 tỷ đồng, không có nợ vay dài hạn. Chi phí lãi vay 6 tháng đầu năm đạt 3.7 tỷ đồng. Tháng 10 - 11/2014 VHG dự kiến triệu tập ĐHCĐ bất thường nhằm miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên HĐQT, đồng thời thông qua một số nội dung liên quan đến hoạt động kinh doanh của công ty.

HOSE 30/09/2014 VNINDEX 598.79 -0.99 -0.17% 153,786,358 CP 2,734.44 bil VND

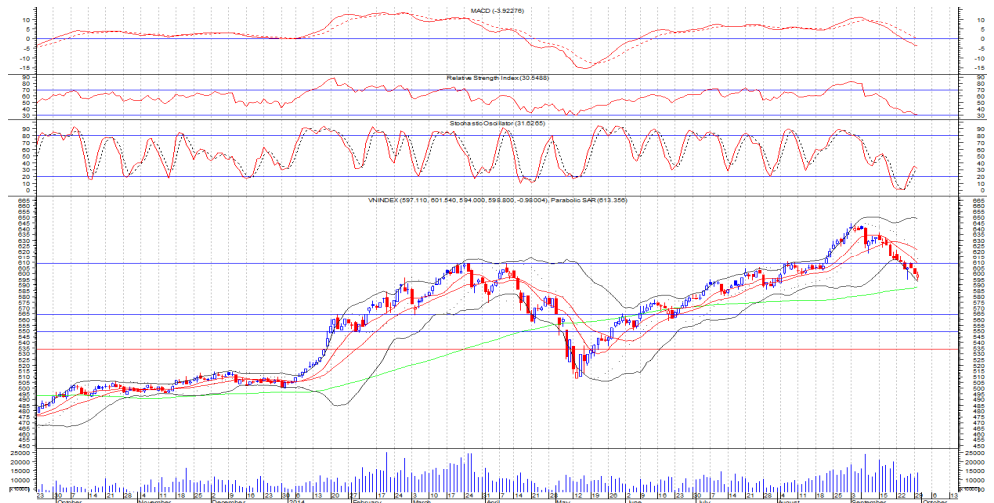
Tiếp tục kiểm chứng vùng hỗ trợ thành công

VN-Index giảm 0.98 điểm (-0.16%), đóng cửa tại mức 598,80 điểm. VN-Index hình thành cây nến đỏ, thân nến vừa phải, VN-Index giảm điểm mạnh ở giữa phiên nhưng hồi phục tốt lúc đóng cửa.

- MACD tiếp tục đi xuống, điều này cho thấy xu hướng giảm điểm vẫn đang tiếp diễn với VN-Index.

- Stochastic Oscillator dừng đà tăng, nhiều khả năng cho tín hiệu bán trở lại ở phiên ngày mai.

-VN-Index nhiều khả năng sẽ cân bằng trở lại ở vùng điểm này.



HOSE Top 5 theo KLGD

FLC	0.5 (4.5%)	22,359,050
OGC	0.3 (2.5%)	7,096,290
ITA	0.1 (1.1%)	7,045,980
VHG	0.5 (4.3%)	6,963,420
SSI	0.2 (0.7%)	5,954,040

HOSE Top 5 theo % tăng

NHW	0.8 (6.9%)	1,050
SII	1.4 (6.9%)	79,420
TDW	1.4 (6.8%)	160
SRC	1.9 (6.8%)	805,440
KSA	0.6 (6.7%)	2,242,600

HOSE Top 5 theo % giảm

GTA	-0.9 (-7.0%)	19,720
KSH	-1.5 (-6.9%)	1,441,400
HAX	-0.5 (-6.7%)	10
TTP	-1.6 (-6.5%)	16,130
HVX	-0.4 (-6.5%)	10

HOSE Top 5 Mua ròng NDTNN

STB	14,3 tỷ	753,090
PVD	11,1 tỷ	115,190
GAS	6,7 tỷ	63,570
HAG	5,4 tỷ	220,030
DVP	5,0 tỷ	107,930

HOSE Top 5 Bán ròng NDTNN

VIC	-116,0 tỷ	2,486,830
SSI	-14,5 tỷ	466,140
SJS	-14,3 tỷ	584,250
VCB	-6,9 tỷ	262,910
DIG	-5,7 tỷ	388,240

GD NDTNN	KL Ròng	GT Ròng (tỷ)
HOSE	-3,157,800	- 111.22

Nhận định / Bình luận thị trường

- ▶ TT chứng kiến áp lực bán xuất hiện mạnh ở phiên sáng nay, CP Bluechips giảm giá mạnh, đặc biệt là VIC. Tuy nhiên, sự cân bằng đã trở lại vào đầu giờ chiều.
- ▶ KLGD gia tăng mạnh và đạt 142 triệu đơn vị. Thanh khoản dù chưa ở mức cao, nhưng đây vẫn là tín hiệu cho thấy sự tích cực trong giới đầu tư.
- ▶ Khối ngoại bán ròng với giá trị 111 tỷ. Trong đó tập trung nhiều ở VIC, SSI, ngoài ra khối này mua nhiều ở STB, PVD
- ▶ Ngưỡng 590 - 595 điểm tiếp tục đóng vai trò hỗ trợ tốt cho VN-Index. Dòng tiền nhiều khả năng sẽ tiếp tục hướng vào nhóm cổ phiếu có kỳ vọng KQKD Quý 3 tốt.
- ▶ NĐT có thể mua trở lại nếu thanh khoản gia tăng, tập trung vào nhóm cổ phiếu đã điều chỉnh mạnh ở giai đoạn vừa rồi. Hạn chế sử dụng margin.

HOSE - Top 10 theo vốn hóa

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	ROE	ROA
GAS	1,895.0	106.0	200,870.00	17.5	5.7	33.6%	23.2%
VNM	1,000.1	105.0	105,012.45	17.2	5.7	34.1%	27.1%
VCB	2,665.0	26.1	69,557.03	15.2	1.6	10.6%	1.0%
VIC	1,420.3	48.0	68,174.94	14.2	3.9	27.6%	6.2%
MSN	735.8	82.0	60,336.27	-1,474.9	4.2	-0.3%	-0.1%
CTG	3,723.4	14.4	53,617.03	9.3	1.0	10.7%	1.0%
BID	2,811.2	13.8	38,794.60	9.7	1.2	12.3%	0.7%
PVD	303.0	97.0	29,394.58	12.5	2.6	22.7%	10.7%
HPG	481.9	57.5	27,709.72	10.0	2.6	28.3%	12.8%
BVH	680.5	40.2	27,354.95	22.5	2.4	10.2%	2.1%

HOSE - Cổ phiếu khuyến nghị theo dõi / mua / bán / nắm giữ

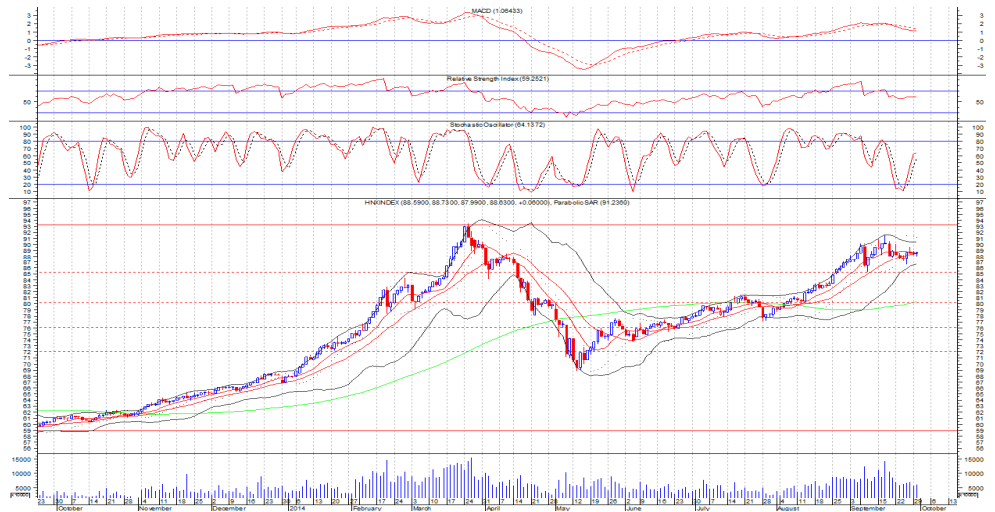
Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	Giá mục tiêu	Khuyến nghị
PVT	255.9	17.1	4,375.16	18.1	1.5	NA	TH.DOI
FPT	343.9	52.0	17,882.50	11.2	2.4	NA	TH.DOI
CII	115.5	21.1	2,437.62	8.1	1.5	NA	TH.DOI
BMP	45.5	68.5	3,115.28	8.6	2.0	NA	TH.DOI
NHS	60.8	11.0	668.25	4.7	0.7	NA	TH.DOI
FDC	27.6	25.6	706.82	2.9	1.1	NA	TH.DOI

HNX 30/09/2014 HNX-Index 88.63 0.06 0.07% 73,704,401 CP 1,208.81 bil. VND

Tiếp tục kiểm chứng vùng hỗ trợ thành công

Chỉ số HNX-Index tăng 0.06 điểm (+0.07%), đóng cửa tại mốc 88.63 điểm. HNX-Index tạo thành cây nến xanh với thân ngắn, cây nến Doji thứ 3 liên tiếp xuất hiện, nó thể hiện sự giằng co mạnh của chỉ số này.

- Chỉ báo Stochastic Oscillator sau khi cho tín hiệu mua trở lại tiếp tục gia tăng mạnh.
- MACD vẫn tiếp tục sụt giảm, điều này cho thấy HNX-Index vẫn có thể tiếp tục điều chỉnh.
- RSI (14) tăng nhẹ lên mức 59.
- Nhiều khả năng HNX-Index sẽ hồi phục ở những phiên sắp tới. Nhưng áp lực bán có thể vẫn còn tiếp diễn.



HNX Top 5 theo KLGD

KLF	0.3 (2.5%)	11,064,620
PVX	-0.1 (-1.4%)	7,741,110
FIT	1.9 (8.8%)	3,645,480
PVS	-0.5 (-1.2%)	3,455,860
SHB	0.1 (1.1%)	3,267,450

HNX Top 5 theo % tăng

BXH	1 (10.0%)	100
CEO	1.5 (10.0%)	425,690
S12	0.7 (10.0%)	700
TAG	2.2 (9.9%)	600
DNC	2 (9.9%)	500

HNX Top 5 theo % giảm

ASA	-2.2 (-9.9%)	783,600
VC1	-2.2 (-9.8%)	100
PEN	-1.5 (-9.4%)	800
PPG	-0.3 (-9.1%)	2,400
PRC	-1.2 (-8.9%)	1,900

HNX Top 5 Mua ròng NDTNN

SHB	7,9 tỷ	871,500
PVS	4,2 tỷ	104,600
SDT	1,7 tỷ	101,300
SD9	0,5 tỷ	35,000
DNM	0,5 tỷ	12,800

HNX Top 5 Bán ròng NDTNN

VND	-5,2 tỷ	319,700
LAS	-2,4 tỷ	70,000
KLS	-2,2 tỷ	173,000
TCT	-0,9 tỷ	5,700
BCC	-0,4 tỷ	29,400

GD NDTNN	KL Ròng	GT Ròng (tỷ)
HNX	689,300	5.71

Nhận định / Bình luận thị trường

- ▶ TT chứng kiến áp lực bán xuất hiện mạnh ở phiên sáng nay, CP Bluechips giảm giá mạnh. Tuy nhiên, sự cân bằng đã trở lại vào đầu giờ chiều.
- ▶ KLGD gia tăng và đạt 62 triệu đơn vị. Thanh khoản dù chưa ở mức cao, nhưng đây vẫn là tín hiệu cho thấy sự tích cực trong giới đầu tư.
- ▶ Khối ngoại mua ròng với giá trị 5,71 tỷ. Tập trung bán nhiều ở VND, LAS. Trong khi mua nhiều ở PVS, SHB
- ▶ Áp lực điều chỉnh vẫn còn hiện hữu với chỉ số HNX-Index. Dòng tiền kỳ vọng sẽ phân hóa nhiều vào nhóm cổ phiếu kỳ vọng KQKD Quý 3 tốt.
- ▶ NĐT có thể mua trở lại nếu thanh khoản gia tăng, tập trung vào nhóm cổ phiếu đã điều chỉnh mạnh ở giai đoạn vừa rồi. Hạn chế sử dụng margin.

HNX - Top 10 theo vốn hóa

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	ROE	ROA
PVS	446.7	40.2	17,957.36	10.3	2.2	21.7%	7.1%
ACB	909.8	15.2	13,828.66	20.5	1.1	5.4%	0.4%
SQC	107.3	80.0	8,583.92	152.4	7.4	-4.4%	-3.4%
SHB	886.1	9.2	8,151.97	9.4	0.8	8.2%	0.7%
VCG	441.7	14.1	6,228.12	11.0	1.1	10.4%	2.4%
OCH	200.0	25.4	5,080.00	83.6	2.5	2.8%	1.5%
PVI	225.2	18.4	4,142.91	14.3	0.7	4.7%	1.9%
VNR	131.1	23.0	3,014.75	8.9	1.1	12.7%	5.7%
PVX	400.0	6.8	2,720.00	2.2	3.7	-128.0%	-7.7%
LAS	77.8	34.0	2,646.29	6.9	1.8	27.5%	15.2%

HNX - Cổ phiếu khuyến nghị theo dõi / mua / bán / nắm giữ

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	Giá mục tiêu	Khuyến nghị
PGS	38.0	36.0	1,368.00	8.7	1.5	NA	TH.DOI
AAA	39.6	15.7	621.72	6.3	0.8	NA	TH.DOI
VND	100.0	16.3	1,629.98	15.2	1.4	NA	TH.DOI
NTP	56.3	46.0	2,591.61	6.9	2.0	NA	TH.DOI
PVC	50.0	33.7	1,685.00	10.4	2.0	NA	TH.DOI
DXP	7.9	43.0	338.62	7.3	1.6	NA	TH.DOI

FTSE Vietnam (UCITS ETF)

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDBQ (10 ngày)	KLGDBQ (1 tháng)	KLGDBQ (3 tháng)
VIC	HOSE	1,420.3	68,174.94	15.75%	48.0	14.24	3.93	2,606,872	2,624,954	1,528,021
HPG	HOSE	481.9	27,709.72	13.53%	57.5	9.98	2.63	839,976	882,176	918,023
PVD	HOSE	303.0	29,394.58	11.69%	97.0	12.46	2.64	657,279	718,439	474,736
MSN	HOSE	735.8	60,336.27	11.42%	82.0	#####	4.19	258,635	242,144	258,516
HAG	HOSE	789.9	19,273.54	8.11%	24.4	16.38	1.40	3,847,321	3,180,160	2,954,248
STB	HOSE	1,142.5	21,821.97	6.47%	19.1	7.87	1.27	719,229	577,352	382,322
VCB	HOSE	2,665.0	69,557.03	5.75%	26.1	15.18	1.57	649,396	606,726	437,158
DPM	HOSE	379.9	11,550.00	4.79%	30.4	9.12	1.29	1,250,989	1,491,404	1,228,195
ITA	HOSE	718.9	6,326.37	2.96%	8.8	67.41	0.80	7,175,001	9,231,614	6,615,555
KBC	HOSE	389.8	5,846.40	2.57%	15.0	25.77	1.16	4,867,912	4,257,768	2,403,596
BVH	HOSE	680.5	27,354.95	2.30%	40.2	22.50	2.36	529,330	335,205	214,855
HSG	HOSE	96.3	4,228.15	2.06%	43.9	13.03	1.79	163,965	208,926	170,067
GMD	HOSE	116.1	4,146.13	1.83%	35.7	8.28	0.87	1,690,750	1,056,138	511,018
PPC	HOSE	318.2	8,049.31	1.68%	25.3	16.20	1.57	1,244,129	1,026,925	770,261
HVG	HOSE	132.0	4,052.39	1.56%	30.7	34.27	1.73	2,318,394	2,323,682	1,239,048
CSM	HOSE	67.3	3,135.81	1.50%	46.6	8.57	2.58	453,137	356,278	338,122
PVT	HOSE	255.9	4,375.16	1.48%	17.1	18.13	1.50	2,926,122	2,752,669	2,061,482
DRC	HOSE	83.1	5,067.50	1.48%	61.0	13.75	3.73	353,845	249,568	236,480
VSH	HOSE	206.2	3,011.12	1.31%	14.6	14.07	1.10	651,373	895,876	739,654
DIG	HOSE	178.7	2,681.15	1.01%	15.0	70.56	1.09	1,654,344	970,195	450,678
OGC	HOSE	300.0	3,660.00	0.76%	12.2	43.93	1.13	3,838,911	3,947,616	2,477,440

Công ty quản lý
Chỉ số tham chiếu

DB Platinum Advisors
FTST Vietnam Index

Ngày lập quỹ **15/01/2008**
Ngày lập chỉ số **14/05/2007**

SLCKVN **22/22**
TGTTSQL **361 mil.**

Market Vectors Vietnam ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDBQ (10 ngày)	KLGDBQ (1 tháng)	KLGDBQ (3 tháng)
VIC	HOSE	1,420.3	68,174.94	8.28%	48.0	14.24	3.93	2,606,872	2,624,954	1,528,021
MSN	HOSE	735.8	60,336.27	8.09%	82.0	#####	4.19	258,635	242,144	258,516
VCB	HOSE	2,665.0	69,557.03	6.66%	26.1	15.18	1.57	649,396	606,726	437,158
STB	HOSE	1,142.5	21,821.97	6.34%	19.1	7.87	1.27	719,229	577,352	382,322
PVS	HNX	446.7	17,957.36	5.45%	40.2	10.25	2.18	5,425,311	5,153,731	3,735,287
BVH	HOSE	680.5	27,354.95	4.54%	40.2	22.50	2.36	529,330	335,205	214,855
DPM	HOSE	379.9	11,550.00	4.18%	30.4	9.12	1.29	1,250,989	1,491,404	1,228,195
PVD	HOSE	303.0	29,394.58	4.04%	97.0	12.46	2.64	657,279	718,439	474,736
HAG	HOSE	789.9	19,273.54	3.68%	24.4	16.38	1.40	3,847,321	3,180,160	2,954,248
ITA	HOSE	718.9	6,326.37	2.96%	8.8	67.41	0.80	7,175,001	9,231,614	6,615,555
PPC	HOSE	318.2	8,049.31	2.75%	25.3	16.20	1.57	1,244,129	1,026,925	770,261
FLC	HOSE	314.9	3,684.26	2.56%	11.7	7.66	0.95	19,342,455	19,917,445	16,745,747
SHB	HNX	886.1	8,151.97	2.53%	9.2	9.43	0.75	4,683,221	5,952,405	4,847,527
VCG	HNX	441.7	6,228.12	2.03%	14.1	10.96	1.13	2,307,644	1,832,325	1,165,841
OGC	HOSE	300.0	3,660.00	1.69%	12.2	43.93	1.13	3,838,911	3,947,616	2,477,440
PVT	HOSE	255.9	4,375.16	1.61%	17.1	18.13	1.50	2,926,122	2,752,669	2,061,482
DRC	HOSE	83.1	5,067.50	0.95%	61.0	13.75	3.73	353,845	249,568	236,480
IJC	HOSE	274.2	3,756.46	0.62%	13.7	22.54	1.29	1,639,764	2,390,360	2,188,965
PVX	HNX	400.0	2,720.00	0.00%	6.8	- 2.23	3.72	11,151,866	11,616,594	8,788,189

Công ty quản lý
Chỉ số tham chiếu

Van Eck Global
Market Vector Vietnam Index

Ngày lập quỹ **08/11/2009**
Ngày lập chỉ số **24/11/2008**

SLCKVN **17/27**
TGTTSQL **439.5 mil.**

MSCI Frontier Market Index ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
VIC	HOSE	1,420.3	68,174.94	0.00%	48.0	14.24	3.93	2,606,872	2,624,954	1,528,021
MSN	HOSE	735.8	60,336.27	0.00%	82.0	#####	4.19	258,635	242,144	258,516
DPM	HOSE	379.9	11,550.00	0.00%	30.4	9.12	1.29	1,250,989	1,491,404	1,228,195
HAG	HOSE	789.9	19,273.54	0.00%	24.4	16.38	1.40	3,847,321	3,180,160	2,954,248
VCB	HOSE	2,665.0	69,557.03	0.00%	26.1	15.18	1.57	649,396	606,726	437,158
STB	HOSE	1,142.5	21,821.97	0.00%	19.1	7.87	1.27	719,229	577,352	382,322
BVH	HOSE	680.5	27,354.95	0.00%	40.2	22.50	2.36	529,330	335,205	214,855
CTG	HOSE	3,723.4	53,617.03	0.00%	14.4	9.26	1.01	427,873	548,833	369,214
GAS	HOSE	1,895.0	200,870.00	0.00%	106.0	17.52	5.74	440,785	352,125	329,523

Công ty quản lý: **Royal Bank of Scotland** Ngày lập quỹ: **19/09/2011** SLCKVN: **9/142**
 Chỉ số tham chiếu: **MSCI Frontier Markets Index** Ngày lập chỉ số: **30/11/2007** TGTTSQL: **22.25 mil.**

iShares MSCI Frontier 100 Index Fund

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
MSN	HOSE	735.8	60,336.27	0.88%	82.0	#####	4.19	258,635	242,144	258,516
VIC	HOSE	1,420.3	68,174.94	0.56%	48.0	14.24	3.93	2,606,872	2,624,954	1,528,021
STB	HOSE	1,142.5	21,821.97	0.31%	19.1	7.87	1.27	719,229	577,352	382,322
VCB	HOSE	2,665.0	69,557.03	0.24%	26.1	15.18	1.57	649,396	606,726	437,158
DPM	HOSE	379.9	11,550.00	0.15%	30.4	9.12	1.29	1,250,989	1,491,404	1,228,195
BVH	HOSE	680.5	27,354.95	0.08%	40.2	22.50	2.36	529,330	335,205	214,855

Công ty quản lý: **iShares** Ngày lập quỹ: **12/09/2012** SLCKVN: **6/102**
 Chỉ số tham chiếu: **MSCI Frontier 100 Index** Ngày lập chỉ số: **30/11/2007** TGTTSQL: **519.45 mil.**

iShares MSCI Vietnam Investable Market Index Fund ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
-------	-----	-------------------	-----------------	----------	---------------	-------------	-------------	---------------------	---------------------	---------------------

Công ty quản lý: **iShares** Ngày lập quỹ: SLCKVN
 Chỉ số tham chiếu: **MSCI VN Investable Market Indx** Ngày lập chỉ số: **01/12/2010** TGTTSQL: **4,752.96 mil.**

Chỉ số bình quân ngành	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
Hóa chất & Tài nguyên cơ bản					
Hóa Chất					
Nhựa, cao su & sợi	7,403	6.8	0.9	13.6%	9.0%
Sản phẩm hóa dầu, Nông dược & Hóa chất khác	20,107	9.2	1.5	16.5%	11.1%
Lâm nghiệp và giấy					
Lâm sản và Chế biến gỗ	2,677	25.1	0.9	3.4%	1.6%
Sản xuất giấy	846	7.4	1.0	13.0%	6.8%
Kim loại					
Thép và sản phẩm thép	38,865	17.0	2.2	20.7%	9.6%
Khai khoáng					
Khai thác than	1,879	3.2	0.8	24.6%	5.3%
Khai khoáng	12,264	66.6	5.6	0.3%	0.0%
Xây dựng và vật liệu					
Xây dựng và vật liệu					
Vật liệu xây dựng & Nội thất	22,588	15.9	1.4	11.5%	7.6%
Xây dựng	32,949	37.5	1.4	-2.3%	2.0%
Hàng và dịch vụ công nghiệp					
Hàng công nghiệp					
Containers & Đóng gói	2,171	8.1	1.2	16.2%	8.3%
Công nghiệp phức hợp	925	7.6	1.8	13.5%	9.6%
Điện tử và thiết bị điện					
Hàng điện & điện tử	1,335	6.7	0.9	13.6%	6.1%
Thiết bị điện	1,868	19.0	1.1	1.4%	-0.1%
Công nghiệp nặng					
Xe tải & Đóng tàu	46	14.0	0.6	4.4%	3.1%
Máy công nghiệp	8,912	9.4	1.4	15.0%	10.2%
Vận tải					
Vận tải thủy	9,669	3.3	1.2	4.2%	1.0%
Kho bãi, hậu cần và bảo dưỡng	11,254	8.9	1.6	18.9%	13.7%
Dịch vụ vận tải	6,196	7.9	1.6	18.7%	11.6%
Tư vấn & hỗ trợ kinh doanh					
Tư vấn & Hỗ trợ KD	4,705	11.7	2.0	15.3%	7.4%
Đào tạo & Việc làm	233	9.7	0.8	9.0%	3.2%
Nhà cung cấp thiết bị	179	7.9	0.8	11.1%	4.6%
Chất thải & Môi trường	184	2.8	0.9	35.3%	16.4%
Ô tô và Phụ tùng					
Ô tô và Phụ tùng					
Sản xuất ô tô	2,097	18.4	1.2	11.8%	6.3%
Lốp xe	8,810	10.9	3.2	27.5%	11.8%
Thực phẩm và đồ uống					
Bia và đồ uống					
Sản xuất bia	1,548	7.7	1.3	15.6%	8.4%
Vang & Rượu mạnh	304	13.5	2.1	16.4%	10.3%
Đồ uống & giải khát	226	6.5	1.1	14.2%	9.5%
Sản phẩm thực phẩm					
Nuôi trồng nông & hải sản	20,717	11.9	1.8	16.8%	6.2%
Thực phẩm	195,496	23.9	4.7	20.4%	16.0%
Hàng cá nhân và gia dụng					
Hàng gia dụng					
Đồ gia dụng lâu bền	80	20.2	1.0	5.0%	3.8%
Thiết bị gia dụng	2,511	8.5	1.3	14.7%	7.2%
Hàng hóa giải trí					
Điện tử tiêu dùng	568	44.8	1.4	3.5%	2.5%
Hàng cá nhân					
Hàng may mặc	3,516	9.3	1.8	18.2%	7.2%
Giày dép	10	1.4	0.6	-33.3%	-19.0%
Hàng cá nhân	5,786	10.7	2.0	17.9%	9.2%
Thuốc lá					
Thuốc lá	740	8.3	1.1	-1.2%	3.8%

Chỉ số bình quân ngành		Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
Y tế						
Thiết bị và dịch vụ y tế						
Thiết bị y tế		1,000	16.3	1.1	6.4%	3.7%
Dụng cụ y tế		162	3.3	1.8	38.1%	16.3%
Dược phẩm						
Công nghệ sinh học		189	8.6	1.1	13.4%	9.8%
Dược phẩm		15,439	10.7	2.9	24.9%	16.4%
Bán lẻ						
Phân phối thực phẩm và dược						
Phân phối thực phẩm		252	47.4	0.8	1.7%	0.5%
Bán lẻ						
Bán lẻ phức hợp		720	11.1	1.2	13.1%	7.9%
Phân phối hàng chuyên dụng		2,980	11.0	1.9	17.2%	3.3%
Truyền thông, Du lịch và Giải trí						
Truyền thông						
Dịch vụ truyền thông		10	2.7	0.5	18.3%	11.3%
Sách, ấn bản & sản phẩm văn hóa		1,118	9.8	1.0	10.5%	7.4%
Du lịch và giải trí						
Hàng không		-	#DIV/0!	#DIV/0!	#DIV/0!	#DIV/0!
Khách sạn		5,717	73.3	2.6	2.9%	1.8%
Dịch vụ giải trí		3,401	14.5	1.3	13.9%	11.6%
Vận tải hành khách & Du lịch		2,672	20.3	3.4	23.1%	19.9%
Viễn Thông & Công nghệ thông tin						
Viễn thông cố định						
Viễn thông cố định		68	15.9	0.5	3.1%	1.6%
Phần mềm và dịch vụ máy tính						
Dịch vụ máy tính		702	16.8	0.9	5.6%	2.0%
Internet		340	71.7	0.8	1.1%	0.2%
Phần mềm		18,178	11.3	2.3	21.5%	9.2%
Thiết bị và phần cứng						
Phần cứng		501	17.3	0.8	4.3%	1.7%
Thiết bị văn phòng		286	4.9	1.1	22.4%	17.1%
Thiết bị viễn thông		13,014	33.7	7.8	33.8%	11.4%
Điện nước, xăng dầu và khí đốt						
Sản xuất & phân phối điện						
Sản xuất & phân phối điện		25,560	-	6.0	1.4	-14.4%
Nước & khí đốt						
Phân phối xăng dầu & khí đốt		209,564	17.1	5.6	33.0%	22.6%
Nước		1,285	6.9	1.1	17.0%	11.4%
Bảo hiểm, Dịch vụ tài chính, Ngân hàng, Bất động sản						
Bảo hiểm phi nhân thọ						
Bảo hiểm phức hợp		1,305	7.5	0.9	11.7%	3.6%
Bảo hiểm phi nhân thọ		6,847	12.3	0.8	6.4%	2.6%
Tái bảo hiểm		2,792	8.9	1.1	12.7%	5.7%
Bảo hiểm nhân thọ						
Bảo hiểm nhân thọ		27,491	22.5	2.4	10.2%	2.1%
Dịch vụ tài chính						
Tài chính đặc biệt		3,731	45.0	1.2	2.6%	0.8%
Môi giới chứng khoán		29,017	14.6	1.7	9.5%	7.0%
Ngân hàng						
Ngân hàng		239,071	11.1	1.2	10.6%	0.9%
Bất động sản						
Bất động sản		161,417	16.4	2.6	20.4%	5.0%
Tư Vấn, Định giá, Môi giới Bất động sản		12	3.1	0.9	34.7%	11.6%
Dầu khí						
Thiết bị, dịch vụ và phân phối						
Thiết bị và Dịch vụ Dầu khí		50,807	11.4	2.5	22.6%	9.4%

- | | | | |
|---------------------------|--|--------------------------|--|
| ▶ Nguyễn Hữu Quang | Giám đốc Tư vấn Đầu tư
quangnh@vietinbanksc.com.vn | | |
| ▶ Nguyễn Quang Sắc | sacnq@vietinbanksc.com.vn
- Tổng hợp thông tin vĩ mô
- Phân tích kỹ thuật
- Nhận định, bình luận thị trường | ▶ Nguyễn Thu Hằng | hangntt@vietinbanksc.com.vn
- Ngân hàng
- Thép và sản phẩm thép
- Dược phẩm |
| ▶ Nguyễn Hoài Nam | namnh@vietinbanksc.com.vn
- Sản phẩm hóa dầu
- Phân phối xăng dầu, khí đốt
- Thiết bị và dịch vụ dầu khí | ▶ Vũ Ánh Nguyệt | nguyetva@vietinbanksc.com.vn
- Nhựa, cao su, sợi
- Thực phẩm
- Nuôi trồng nông và hải sản |

Bản báo cáo này được chuẩn bị cho mục đích duy nhất là cung cấp thông tin và không nhằm đưa ra bất kỳ đề nghị hay hướng dẫn mua bán chứng khoán cụ thể nào. Các quan điểm và khuyến cáo được trình bày trong bản báo cáo này không tính đến sự khác biệt về mục tiêu, nhu cầu, chiến lược và hoàn cảnh cụ thể của từng nhà đầu tư. Ngoài ra, nhà đầu tư cũng ý thức có thể có các xung đột lợi ích ảnh hưởng đến tính khách quan của bản báo cáo này. Nhà đầu tư nên xem báo cáo này như một nguồn tham khảo khi đưa ra quyết định đầu tư và phải chịu toàn bộ trách nhiệm đối với quyết định đầu tư của chính mình. VietinBankSc tuyệt đối không chịu trách nhiệm đối với toàn bộ hay bất kỳ thiệt hại nào, hay sự kiện bị coi là thiệt hại, đối với việc sử dụng toàn bộ hoặc từng phần thông tin hay ý kiến nào của bản báo cáo này.

Toàn bộ các quan điểm thể hiện trong báo cáo này đều là quan điểm cá nhân của người phân tích. Không có bất kỳ một phần thu nhập nào của người phân tích liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp đến các khuyến cáo hay quan điểm cụ thể trong bản báo cáo này.

Thông tin sử dụng trong báo cáo này được VietinBankSc thu thập từ những nguồn mà chúng tôi cho là đáng tin cậy. Tuy nhiên, chúng tôi không đảm bảo rằng những thông tin này là hoàn chỉnh hoặc chính xác. Các quan điểm và ước tính trong đánh giá của chúng tôi có giá trị đến ngày ra báo cáo và có thể thay đổi mà không cần báo cáo trước.

Bản báo cáo này được giữ bản quyền và là tài sản của VietinBankSc. Mọi sự sao chép, chuyển giao hoặc sửa đổi trong bất kỳ trường hợp nào mà không có sự đồng ý của VietinBankSc đều trái luật.

Bản quyền thuộc VietinBankSc, 2013. Vui lòng trích nguồn khi sử dụng các thông tin trong bản báo cáo này.